

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2018
V/v ly hôn giữa chị B và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hà

Ông Vũ Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị B, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị B trình bày: Chị và anh D tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống vào ngày 20/11/2000, nhưng từ đó đến nay chị và anh D không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Do khi đó chị còn trẻ không chú ý đến thủ tục theo quy định của nhà nước, từ khi cưới chị và anh D chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, anh D có quan hệ với người phụ nữ khác, nên chị và

anh D không sống chung và không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh D được nữa, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về nuôi con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 27/09/2001; Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 13/4/2007 và Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/5/2012, hiện nay các cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Khi ly hôn chị và anh D thỏa thuận chị trực tiếp nuôi cháu T và anh D tiếp tục nuôi cháu H và cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/3/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh và chị B tự nguyện tìm hiểu được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống năm 2000, từ đó anh và chị B chung sống cùng nhau, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2013 thì anh và chị B phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, anh bỏ đi làm ăn thảnh thơi mới về, cũng từ đó anh và chị B không chung sống cùng nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm không còn, chị B làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh nhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, không công nhận vợ chồng giữa anh và chị B.

* Về nuôi con chung: Anh và chị B có 03 con chung tên, ngày tháng năm sinh và nơi ở của các con như chị B trình bày là đúng. Khi ly hôn Anh và chị B thỏa thuận, anh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu N; chị B trực tiếp nuôi cháu T, anh và chị B không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa: Chị B giữ nguyên yêu cầu, quan điểm đã trình bày và đề nghị nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ vụ án của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử không công nhận quan hệ giữa chị Đoàn Thị B và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng;

Về nuôi con chung: Giao chị Đoàn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình T; anh Nguyễn Văn D tiếp tục trực tiếp nuôi các cháu Nguyễn Quang H và

Nguyễn Thị Hồng N. Chị B và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau;

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét;

Về án phí: Chị Đoàn Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị B và anh Nguyễn Văn D tổ chức đám cưới theo phong tục từ năm 2000, nhưng đến nay vẫn không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì đây không phải là Hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2013 chị B và anh D không sống chung và không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị B làm đơn xin ly hôn, anh D nhất trí đề nghị Tòa án xem xét giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị B.

Xét thấy, chị B và anh D chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát quyền nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị B có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đoàn Thị B và anh Nguyễn Văn D là có căn cứ

[2] Về nuôi con chung: Chị B và anh D có 03 con chung, các đương sự đã thỏa thuận chị Đoàn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình T. Anh Nguyễn Văn D tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Quang H và cháu Nguyễn Thị Hồng N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung, không trái đạo đức xã hội và các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Anh D có trách nhiệm giao cháu T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đoàn Thị B phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ giữa chị Đoàn Thị B và anh Nguyễn Văn D là vợ chồng

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Xử giao chị Đoàn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình T, sinh ngày 27/5/2012; anh Nguyễn Văn D tiếp tục trực tiếp nuôi các cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 27/09/2001 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 13/4/2007. Anh D có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Đình T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị B phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị B đã nộp theo Biên lai số 0002192 ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (chị B đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D có quyền 15 kháng cáo trong hạn ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND thị trấn N;
- Lưu: HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh